TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 20-2-2020
V/v:Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung
Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 91/2019/TLST-DSTC ngày 24 tháng 09 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972
Chị Đặng Thị N, sinh năm 1972

Địa: Số nhà 208A, phố E, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (đều có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1961
Bà Trương Thị V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số nhà 121, phố X, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Trần Thị Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: Phố Thanh Tân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị N, anh Nguyễn Văn H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh chị có cho vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V vay tổng số tiền là 700.000.000 đồng làm ba lần: Lần 1 ngày 19/9/2016 là 200.000.000 đồng; lần 2 ngày 11/3/2017 là 200.000.000 đồng; lần 3 ngày 19/6/2017 là 300.000.000 đồng. Khi vay tiền các bên có viết giấy vay nợ, không hẹn ngày trả, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 2%/tháng. Mục đích ông Q, bà V vay tiền để làm ăn. Do cần tiền để lo việc gia đình, vợ chồng anh chị đã nhiều lần đến đòi tiền ông Q, bà V nhưng ông Q, bà V không trả. Nay vợ chồng anh chị yêu cầu vợ chồng ông Q, bà V phải thanh toán trả số tiền gốc đã vay là 700.000.000 đồng và tiền lãi

tính theo quy định của pháp luật từ ngày 04/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo, bị đơn ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V và người đại diện theo ủy quyền cho ông Q, bà V, chị Trần Thị Y trình bày: Về mối quan hệ và việc vay nợ như bà N, ông H khai là đúng. Tuy nhiên, ngoài 03 khoản vay như vợ chồng bà N, ông H khởi kiện vợ chồng ông Q, bà V còn vay của vợ chồng bà N, ông H nhiều lần khác. Tính đến ngày 16/9/2017 (âm lịch) tức ngày 04/11/2017 vợ chồng ông Q, bà V đã thanh toán trả cho vợ chồng bà N, ông H số tiền là 600.000.000 đồng, bao gồm cả tiền gốc, tiền lãi. Và các bên chốt nợ, ông Q, bà V còn nợ bà N, ông H 599.580.000 đồng. Sau khi chốt nợ ông Q, bà V đã trả vợ chồng bà N, ông H 100.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ lại là 499.580.000 đồng. Khi trả các bên không không lập văn vản, trả qua tài khoản, đưa tay trực tiếp. Thời gian trả cụ thể, ông Q, bà V không nhớ. Nay vợ chồng bà N, ông H yêu cầu vợ chồng ông Q, bà V phải trả số tiền gốc đã vay là 700.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/11/2017 theo quy định của pháp luật, ông Q, bà V chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 499.580.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền này theo quy định của pháp luật từ ngày 04/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V phải thanh toán trả vợ chồng bà Đặng Thị N, ông Nguyễn Văn H tổng số tiền gốc còn nợ là 499.580.000 đồng và tiền lãi 229.251.000đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn, người đại diện theo ủy cho bị đơn đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Do có quan hệ quen biết, vợ chồng bà Đặng Thị N, ông Nguyễn Văn H có cho vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V vay tiền tổng số tiền là 700.000.000đ làm 03 lần. Lần 1 ngày 19/9/2016 là 200.000.000 đồng; lần 2 ngày 11/3/2017 là 200.000.000 đồng; lần 3 ngày 19/6/2017 là 300.000.000 đồng. Ngoài các khoản vay trên, ông Q, bà V còn vay tiền của bà N, ông H nhiều lần khác, nhưng không lập văn bản. Ngày ngày 04/11/2017 hai bên chốt nợ. Ông Q, bà V còn nợ bà N, ông H số tiền gốc là 599.580.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi chốt nợ ông Q, bà V đã trả được ông H, bà N 100.000.000đ tiền gốc. Quá trình tố tụng, bà N, ông H xác nhận đã nhận của vợ chồng ông Q, bà V số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 04/11/2017, nhưng đó là tiền lãi. Tuy nhiên ông H, bà N không chứng minh được nên Hội đồng xét xử xác định đó là tiền gốc. Như vậy, đến ngày 04/11/2017, ông Q, bà V còn nợ ông H, bà N số tiền gốc là

499.580.000đ.

[3] Về lãi suất cho vay: Trong các giấy vay tiền các đương sự không ghi mức lãi suất, nhưng thỏa thuận miệng 2%/tháng. Thỏa thuận của các đương sự cao hơn so với quy định của pháp luật, nên cần áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 20%/năm.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Khoản vay giữa vợ chồng ông Q, bà V với vợ chồng bà N, ông H tuy chỉ có mình ông Q ký giấy nhận nợ, nhưng bà V, ông Q xác nhận là vay tiền sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Q, bà V phải cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông H, bà N.

[5]Từ những cơ sở trên, buộc vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị N số tiền gốc đã vay còn nợ là 499.580.000đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/11/2017 đến ngày 20/02/2020 là 02 năm 03 tháng 16 ngày x 20%/năm = 229.251.000đ (Hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng). Tổng số tiền vợ chồng ông Q, bà V phải trả cho vợ chồng ông H, bà N là 728.831.000đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu, tám trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đặng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V phải thanh toán trả vợ chồng bà Đặng Thị N, ông Nguyễn Văn H tổng số tiền là 728.831.000đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu, tám trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Trong đó 499.580.000đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền gốc; 229.251.000đ (Hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V không trả số tiền trên, thì hàng tháng ông Q, bà V còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trương Thị V phải chịu 33.153.000đ (Ba mươi ba triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Đặng Thị N số tiền tạm ứng án phí 17.500.000 đồng do bà N đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004313 ngày 24/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi chục THADS huyện

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân